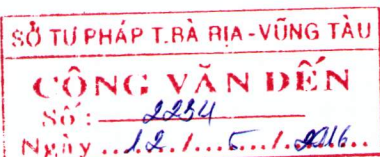


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 14 /2016/QĐ-UBND

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 09 tháng 5 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí tại các Chợ
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê chuẩn mức thu phí tại các chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 30/TTr-SCT ngày 05/4/2016 về việc ban hành quy định mức thu phí tại các chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí tại các chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo danh mục kèm theo Quyết định này.

1. Đối tượng áp dụng:

a) Áp dụng cho các chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý. Đối với các chợ do các thành phần kinh tế khác đầu tư, đơn vị quản lý kinh doanh tự áp dụng mức thu nhưng phải theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

b) Đối tượng nộp phí: Tất cả các hộ kinh doanh có nhu cầu mua bán tại chợ đều phải thực hiện nộp phí chợ theo quy định.

2. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/6/2016

3. Lộ trình áp dụng:

a) Đối với các hộ kinh doanh có quầy sạp cố định

- Từ ngày 01/6/2016 đến ngày 31/12/2016: Áp dụng thu bằng 50% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017: Áp dụng thu bằng 70% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018: Áp dụng thu bằng 90% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2019: Áp dụng thu 100% so với mức thu phí đề xuất.

b) Đối với các hộ kinh doanh không có quầy sạp cố định áp dụng mức thu 100% so với mức thu phí đề xuất từ thời điểm ngày 01/01/2016.

4. Tỷ lệ phần trăm phí thu để lại: Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí là 100%.

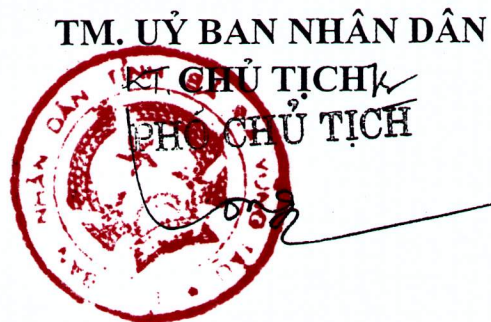
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế nội dung phần I của Danh mục các khoản thu phí ban hành kèm theo Quyết định số 6734/2004/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu các loại: Phí chợ, phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô; phí bến bãi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ

trường các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *gh*

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể trong tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TH. *Th1*



Nguyễn Thành Long

DANH MỤC

Mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14./2016/QĐ-UBND

ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	Nội dung	Mức thu		
		Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
		Đơn vị tính: Đồng/m ² /tháng		
1	Rau quả có sạp ngoài			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
2	Thực phẩm tươi sống (thịt gia súc, gia cầm)			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
3	Thủy, hải sản			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
4	Hàng tươi sống đặc biệt (đặc sản cao cấp)			
	Vị trí 1	80.000	60.000	40.000
	Vị trí 2	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 3	40.000	30.000	20.000
5	Ăn uống			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
6	Hàng dệt may			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000

	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
7	Hàng tạp hóa			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
8	Hàng thực phẩm chế biến (gồm: Cá khô, mắm ruốc, đường, đậu, giò chả, v.v...)			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
9	Vàng bạc			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
10	Kim khí, điện máy			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
11	Văn hóa phẩm, giày da, nhựa, sành sứ			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
12	Lương thực			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
13	Các hoạt động dịch vụ và các ngành hàng khác chưa được quy định ở trên			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000

	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
14	Phí ki - ốt	60.000	50.000	30.000
15	Mức thu phí chợ đối với những hộ không có chỗ bán cố định	4.000đ/chỗ/ ngày	2.500đ/chỗ/ ngày	1.000đ/chỗ/ ngày
II	Mức thu phí vệ sinh:			
1	Phí vệ sinh đối với các hộ kinh doanh tại chợ	Áp dụng theo Quyết định số 21/2004/QĐ-UB ngày 05/01/2005 của UBND Tỉnh, cụ thể: Mức thu là 45.000đ/m ³ rác		
2	Phí sử dụng nhà vệ sinh	1.000đ/lượt		
III	Phí trông giữ xe: Áp dụng theo Quyết định số 46/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND Tỉnh			

Qđ